

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29-9-2022  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Phẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Đình Long;  
2. Ông Nguyễn Tiến Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Quỳnh – Thư ký TAND huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2022/HNGĐ ngày 08/4/2022 về việc "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị L**, sinh năm 1979; trú tại: Khu tập thể Trường Tiểu học xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

**Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn ĐV, xã Q C, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

**NHẬN THẤY**

**Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1999, năm 2013 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GT, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc, đến khoảng năm 2007 - 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đi làm xa nhà, thỉnh thoảng anh T mới về thăm vợ, con được mấy ngày. Trong thời gian đi làm xa nhà, anh T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không có trách nhiệm đối với con cái; khi về nhà vợ chồng gặp nhau thì thường xuyên cãi vã, không thể nói chuyện được với

nhau. Tình hình mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vì vậy năm 2020, chị L đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T, tuy nhiên do con cái không muốn bố mẹ ly hôn nên chị L đã xin rút đơn và cho anh T cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau có trách nhiệm nuôi, dạy con cái, nhưng từ đó đến nay anh T không thay đổi, tình trạng hôn nhân không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn An G, sinh ngày 15/6/2000; Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/02/2007 (*con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường*). Hiện nay cháu G đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án xem xét, cháu H đang ở cùng với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### ***Ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn T:***

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử:***

Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện cơ bản đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Bị đơn không phối hợp trong việc giải quyết vụ án. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM theo quy định của Điều 28; 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/02/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18

tuổi. Sau ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

- *Về án phí*: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định quy định của pháp luật.

- *Về đề xuất, kiến nghị*: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 08/4/2022, Tòa án đã Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các đương theo quy định; Ngày 10/8/2022, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Tuy nhiên anh T không có mặt theo Thông báo của Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 13/9/2022, anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Chị L đã nhận Quyết định hoãn phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị L. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, nhằm đảm bảo quyền lợi của đương sự và việc giải quyết vụ án đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

### **[2] Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân**:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, do bất hòa trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên đi làm xa nhà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thỉnh thoảng về qua nhà mấy ngày rồi lại đi, không cùng nhau lo toan xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2020, chị L đã có đơn xin ly hôn với anh T, anh T cũng xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019, tuy nhiên sau đó chị L xin rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Kết quả xác minh tại địa phương và người thân của vợ chồng anh T, chị L, nơi chị L công tác và sinh sống cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài là có thật. Do tính chất công việc nên anh T thường xuyên phải đi làm xa nhà, thỉnh thoảng về nhà mấy hôm rồi lại đi, không quan tâm, chia sẻ với chị L về trách nhiệm đối với con cái và mọi mặt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nay chị L xác định đã sống ly thân trong thời gian dài không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống cùng anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn

giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn An G, sinh ngày 15/6/2000; Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/02/2007 (*con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường*). Hiện nay cháu G đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân, vì vậy không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thu H hiện nay đang ở với chị L, cháu H có đơn đề nghị được ở với chị L sau khi chị L và anh T ly hôn.

Về điều kiện nuôi con chung sau ly hôn: Hiện tại chị L là Giáo viên công tác tại Trường Tiểu học T X, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập ổn định, đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của gia đình và chi phí cho việc học hành của con. Mặt khác, anh T cũng thường xuyên phải đi làm xa nhà, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc, giáo dục con, vì vậy xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi xét thấy là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị L không yêu cầu, vì vậy không xem xét.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:**

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Về án phí sơ thẩm:** Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị L. Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

**2. Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Thu H, sinh ngày 07/02/2007 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Sau ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì vậy không xem xét.

**4. Về tài sản chung và nợ chung:**

- *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí**: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001824 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn Phạm Thị L và bị đơn Nguyễn Văn T. Chị L và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã G T, h. G T, Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lường Thị Phẩm**

